

*CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XNK THIÊN NAM
111-121 NGÔ GIA TỰ, PHƯỜNG 02, QUẬN 10, TP.HCM
MÃ SỐ THUẾ: 0301172041*

--- oOo ---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2016	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 33
5. Phụ lục	34 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		812,739,101,477	893,785,490,129
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29,095,382,728	56,183,204,913
1. Tiền	111		10,567,382,728	46,568,204,913
2. Các khoản tương đương tiền	112		18,528,000,000	9,615,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	40,000,000,000	40,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		40,000,000,000	40,000,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123,862,603,713	111,122,059,435
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	90,245,632,487	94,358,060,174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32,859,038,276	17,543,165,940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	757,932,950	854,665,070
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(1,633,831,749)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	615,948,695,287	683,148,891,515
1. Hàng tồn kho	141		616,797,583,628	684,723,668,562
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(848,888,341)	(1,574,777,047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,832,419,749	3,331,334,266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		109,228,128	95,632,530
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,723,191,621	3,235,701,736
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THI ÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		264,413,349,976	236,524,282,191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		117,505,000,000	90,005,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	117,505,000,000	90,005,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		52,677,226,271	51,132,675,380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	25,750,914,464	24,187,113,572
- Nguyên giá	222		43,841,231,056	41,336,025,303
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,090,316,592)	(17,148,911,731)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	26,926,311,807	26,945,561,808
- Nguyên giá	228		28,106,468,417	28,106,468,417
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,180,156,610)	(1,160,906,609)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	93,791,966,591	94,851,614,348
- Nguyên giá	231		107,054,750,832	107,054,750,832
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13,262,784,241)	(12,203,136,484)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		439,157,114	534,992,463
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		216,247,093	275,630,101
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	222,910,021	259,362,362
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,077,152,451,453	1,130,309,772,320

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THI ÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		765,335,403,225	832,169,219,069
I. Nợ ngắn hạn	310		691,195,653,225	756,279,469,069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	29,351,883,447	119,867,755,827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	46,807,718,946	17,951,257,059
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8,745,498,658	6,378,122,248
4. Phải trả người lao động	314	V.15	11,565,640,733	8,730,273,826
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2,585,065,247	2,712,675,289
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	298,230,000	279,145,000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	582,704,958,471	596,006,346,908
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	9,136,657,723	4,353,892,912
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		74,139,750,000	75,889,750,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	42,889,750,000	42,889,750,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	31,250,000,000	33,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		311,817,048,228	298,140,553,251
I. Vốn chủ sở hữu	410		311,817,048,228	298,140,553,251
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	55,186,113,637	55,186,113,637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20	(11,978,525,300)	(11,978,525,300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	99,147,993,323	80,022,172,140
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	87,759,797,083	93,007,995,326
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		57,679,247,632	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		30,080,549,451	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	1,701,669,485	1,902,797,448
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,077,152,451,453	1,130,309,772,320

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
QUÝ 1 NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1a	848,113,196,693	469,898,533,351
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1b	2,020,325,250	1,030,648,520
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	846,092,871,443	468,867,884,831
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	787,880,067,801	424,153,489,280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58,212,803,642	44,714,395,551
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10,051,600,270	1,513,516,795
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	9,775,566,233	10,169,675,479
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9,770,288,192	10,145,437,551
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	8,225,605,947	8,421,630,511
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13,881,402,304	8,790,613,270
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		36,381,829,428	18,845,993,086
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2,008,131,581	328,324,015
13. Chi phí khác	32	VI.9	(5,342,854)	24,498,936
14. Lợi nhuận khác	40		2,013,474,435	303,825,079
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38,395,303,863	19,149,818,165
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	7,676,274,842	4,442,004,672
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.11	36,452,340	(47,470,116)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>30,682,576,681</u>	<u>14,755,283,609</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>30,080,549,451</u>	<u>14,341,494,541</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>602,027,229</u>	<u>413,789,068</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>3,340</u>	<u>1,524</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>3,340</u>	<u>1,524</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016


Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởngNgô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa nền độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****QUÝ 1 NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38,395,303,863	19,149,818,165
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2,439,787,048	3,373,199,939
- Các khoản dự phòng	03		(2,359,720,455)	959,722,264
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9,944,156,104)	(1,477,770,832)
- Chi phí lãi vay	06		9,770,288,192	10,145,437,551
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38,301,502,544	32,150,407,087
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47,718,966,901)	41,392,321,956
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		67,926,084,934	33,579,007,571
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(48,154,185,174)	(98,888,666,933)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		45,787,410	59,708,917
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10,864,460,511)	(11,257,637,077)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5,565,189,888)	(3,263,823,947)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3,500,000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3,768,615,700)	(2,682,627,054)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,794,543,286)	(8,911,309,480)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2,924,690,182)	3,990,825,824
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		309,090,909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,635,065,195	1,477,770,832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7,019,465,922	5,468,596,656

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa nền độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	764,617,942,625	444,558,894,688
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(779,669,331,062)	(433,703,056,109)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9,261,356,384)	(7,345,890,785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(24,312,744,821)	3,509,947,794
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(27,087,822,185)	67,234,970
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 56,183,204,913	57,252,649,452
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1 29,095,382,728	57,319,884,422

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 01 NĂM 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần thương mại xuất nhập khẩu Thiên Nam là Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu quận 10 theo Quyết định số 58/2000/QĐ-TTg ngày 24 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301172041, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 26 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận năm nay đều gia tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do hoạt động thương mại kinh doanh sắt thép của Tập đoàn phát triển mạnh.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH công nghệ phẩm Thiên Nam có trụ sở chính tại 451 - 453 Nguyễn Tri Phương, phường 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 80% (số đầu năm là 80%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 95 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 96 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm: chi phí sửa chữa, chi phí lắp đặt,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	04-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc từ 05 đến 25 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại và trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu chiết khấu thương mại và trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu chiết khấu thương mại và trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích, định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1,063,490,387	653,135,219
Tiền gửi ngân hàng	9,503,892,341	45,915,069,694
Các khoản tương đương tiền	18,528,000,000	9,615,000,000
Cộng	<u>29,095,382,728</u>	<u>56,183,204,913</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ có chứng khoán kinh doanh.

Tập Đoàn đã mua 4.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Khải Huy Quân với giá mua là 40.000.000.000 VND.

Tập Đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh	30,998,918,111	41,302,900,886
Công ty cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh	52,725,509,000	21,122,164,124
Các khách hàng khác	6,521,205,376	31,932,995,164
Cộng	<u>90,245,632,487</u>	<u>94,358,060,174</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
ZHEJIANG MATERIALS INDUSTRY INTERNATIONAL CO., LTD	12,287,057,276	-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh	15,048,100,000	15,048,100,000
Nguyễn Thị Thu Hường	5,078,580,000	-
Các khách hàng khác	445,301,000	2,495,065,940
Cộng	<u>32,859,038,276</u>	<u>17,543,165,940</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	757,932,950	-	854,665,070	-
Cộng	<u>757,932,950</u>	<u>-</u>	<u>854,665,070</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức khác				-
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh địa ốc Hưng Thịnh - Phải thu hoạt động đầu tư	117.500.000.000	-	90.000.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	117.505.000.000	-	90.005.000.000	-

6. Nợ xấu

Tập đoàn có khoản phải thu Công ty cổ phần tập đoàn Thành Nam về tiền hàng với số tiền 1.633.831.749 VND đã quá hạn trên 3 năm. Đến thời điểm kết thúc kỳ báo cáo Công ty đã thu hồi khoản nợ này.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Quý này
Số đầu năm	(1.633.831.749)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	1.633.831.749
Số cuối kỳ	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	90.852.709.290	-
Nguyên liệu, vật liệu	233.246.521.656	-	205.060.281.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.327.224	-	107.526.314	-
Hàng hóa	383.478.734.748	(848.888.341)	388.703.151.958	(1.574.777.047)
Cộng	616.797.583.628	(848.888.341)	684.723.668.562	(1.574.777.047)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Quý này
Số đầu năm	(1.574.777.047)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	725.888.706
Số cuối kỳ	(848.888.341)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	11,498,803,834	20,973,506,433	8,741,891,786	91,758,000	30,065,250	41,336,025,303
Mua sắm TSCĐ trong kỳ	-	-	2,924,690,182	-	-	2,924,690,182
Thanh lý TSCĐ	-	-	(419,484,429)	-	-	(419,484,429)
Số cuối kỳ	11,498,803,834	20,973,506,433	11,247,097,539	91,758,000	30,065,250	43,841,231,056
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1,152,429,369	286,380,952	1,243,312,558	55,778,000	30,065,250	2,767,966,129
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	4,408,227,871	8,136,634,439	4,492,220,627	81,763,544	30,065,250	17,148,911,731
Khấu hao trong năm	208,329,606	732,930,288	413,632,732	5,996,664	-	1,360,889,290
Thanh lý TSCĐ	-	-	(419,484,429)	-	-	(419,484,429)
Số cuối kỳ	4,616,557,477	8,869,564,727	4,486,368,930	87,760,208	30,065,250	18,090,316,592
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7,090,575,963	12,836,871,994	4,249,671,159	9,994,456	-	24,187,113,572
Số cuối kỳ	6,882,246,357	12,103,941,706	6,760,728,609	3,997,792	-	25,750,914,464

Một phần Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.875.468.417	231.000.000	28.106.468.417
Số cuối kỳ	27.875.468.417	231.000.000	28.106.468.417
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	960.706.605	200.200.004	1.160.906.609
Khấu hao trong kỳ	-	19.250.001	19.250.001
Số cuối kỳ	960.706.605	219.450.005	1.180.156.610

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	26,914,761,812	30,799,996	26,945,561,808
Số cuối kỳ	26,914,761,812	11,549,995	26,926,311,807

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

10. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	107.054.750.832	12.203.136.484	94.851.614.348
Khấu hao trong kỳ		1.059.647.757	
Số cuối kỳ	107.054.750.832	13.262.784.241	93.791.966.591

Trong đó, nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng là 1.231.010.009 VND.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà số 451-453 Nguyễn Tri Phương, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	319.466.405	305.050.259	14.416.146
Nhà số 01-03 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	225.346.533	139.339.253	86.007.280
Nhà số 355-365 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	1.381.306.741	672.542.928	708.763.813
Tòa nhà cao ốc 277B Cách Mạng Tháng 8, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	80.124.070.289	5.474.117.675	74.649.952.614
Nhà số 192-198 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	2.150.733.750	1.602.548.576	548.185.174
Nhà số 07-09 Lý Thái Tổ, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	59.117.794	59.117.794	-
Tòa nhà cao ốc văn phòng 111-121 Ngô Gia Tự, quận 10, TP. Hồ Chí Minh	22.794.709.320	5.010.067.756	17.784.641.564
Cộng	107.054.750.832	13.262.784.241	93.791.966.591

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.926.119.679 VND và 809.187.239 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 22.794.709.320 VND và 17.784.641.564 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	8,562,381,407	8,304,197,603
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	2,411,950,536	2,970,472,539
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	1,927,550,999	2,063,700,582

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh trong năm</u>	<u>Hoàn nhập trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (<i>dự phòng hạng tồn kho</i>)	220,531,710	-	-	220,531,710
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện	38,830,652	2,378,311	(38,830,652)	2,378,311
Cộng	<u>259,362,362</u>	<u>2,378,311</u>	<u>(38,830,652)</u>	<u>222,910,021</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
CARGILL INTERNATIONAL TRADING	-	23,977,601,200
HANGZHOU CIEC INTERNATIONAL	-	18,816,555,785
HONGKONG GRAND INTERNATIONAL	-	9,041,119,541
SUMEC INTERNATIONAL TECHNOLOGY CO., LTD	-	7,558,520,323
METAL ONE CORPORATION	28,186,247,656	28,186,247,656
WIN FAITH TRADING LIMITED	-	20,353,266,886
Các khách hàng khác	1,165,635,791	11,934,444,436
Cộng	<u>29,351,883,447</u>	<u>119,867,755,827</u>

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Lê Hữu Trung	3,320,100,000	3,320,100,000
Ông Nguyễn Minh Viễn	2,347,191,000	2,347,191,000
Bà Trần Ngọc Linh	2,529,030,000	2,529,030,000
Công ty TNHH Hoàng Sa	7,225,500,821	
Công ty CP Đầu tư Khang Duy	8,040,237,110	
Các khách hàng khác	23,345,660,015	9,754,936,059
Cộng	<u>46,807,718,946</u>	<u>17,951,257,059</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	116,874,754	1,765,926,880	(1,807,557,274)	75,244,360
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	16,539,786,930	(16,539,786,930)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	21,390,921	(21,390,921)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	449,297,425	(449,297,425)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,565,189,888	7,676,274,842	(5,565,189,888)	7,676,274,842
Thuế thu nhập cá nhân	696,057,606	2,257,410,952	(1,959,489,102)	993,979,456
Thuế trước bạ	-	291,316,000	(291,316,000)	-
Các loại thuế khác	-	5,500,000	(5,500,000)	-
Cộng	6,378,122,248	29,006,903,950	(26,639,527,540)	8,745,498,658

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh rượu với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.395.303.863	19.149.818.165
Lợi nhuận của chi nhánh trước thuế	-	(1.300.409.629)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Lợi nhuận chịu thuế nội bộ chưa thực hiện	(164.611.406)	(244.321.724)
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	150.681.750	1,547,534,957
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.381.374.207	19.152.621.769
Thu nhập miễn thuế	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	38.381.374.207	19.152.621.769
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	7.676.274.842	4.213.576.789
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung theo quyết toán năm 2013	-	228.427.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.676.274.842	4.442.004.672

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tiền thuê đất

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của Chi Cục thuế.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

Tổng quỹ lương của Tập đoàn được xác định bằng tỷ suất tiền lương trên lợi nhuận trước thuế chưa tính chi phí lương theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng thành viên.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	1,094,172,319
Chi phí xây dựng	434,600,001	434,600,001
Chiết khấu hỗ trợ khách hàng	1,487,890,598	994,832,136
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	662,574,648	189,070,833
Cộng	<u>2,585,065,247</u>	<u>2,712,675,289</u>

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ ngắn hạn	140,220,000	119,450,000
Cổ tức phải trả	8,010,000	8,010,000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	150,000,000	151,685,000
Cộng	<u>298,230,000</u>	<u>279,145,000</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa - Nhận ký quỹ dài hạn	38.000.000.000	38.000.000.000
Các đối tượng khác - Nhận ký quỹ dài hạn	4.889.750.000	4.889.750.000
Cộng	<u>42.889.750.000</u>	<u>42.889.750.000</u>

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	582,704,958,471	582,704,958,471	596,006,346,908	596,006,346,908
Vay ngắn hạn ngân hàng	571,379,958,471	571,379,958,471	583,601,346,908	583,601,346,908
- Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (i)	99,100,000,000	99,100,000,000	93,970,000,000	93,970,000,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh (ii)	186,658,856,400	186,658,856,400	218,851,527,535	218,851,527,535
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (ii)	115,099,553,063	115,099,553,063	148,225,836,905	148,225,836,905
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lý Thường Kiệt (ii)	74,607,927,418	74,607,927,418	38,503,982,468	38,503,982,468
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) (ii)	40,270,173,700	40,270,173,700	51,400,000,000	51,400,000,000
- Ngân hàng Indovina - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	7,000,000,000	7,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	20,548,432,650	20,548,432,650	27,650,000,000	27,650,000,000
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng Hải - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	28,095,015,240	28,095,015,240	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	4,325,000,000	4,325,000,000	5,405,000,000	5,405,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.33b)	7,000,000,000	7,000,000,000	7,000,000,000	7,000,000,000
Cộng	582,704,958,471	582,704,958,471	596,006,346,908	596,006,346,908

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình Cao ốc văn phòng tại 111-121 Ngô Gia Tự, phường 02, quận 10, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.8 và V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp một số bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.10).
- (iv) Các khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất cụ thể theo từng lần vay thực tế và không có tài sản đảm bảo.
- (v) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,58%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	583,601,346,908	761,202,942,625	-	(773,424,331,062)	571,379,958,471
Vay ngắn hạn các cá nhân	5,405,000,000	3,415,000,000	-	(4,495,000,000)	4,325,000,000
Vay dài hạn đến hạn trả	7,000,000,000	-	1,750,000,000	(1,750,000,000)	7,000,000,000
Cộng	596,006,346,908	764,617,942,625	1,750,000,000	(779,669,331,062)	582,704,958,471

18b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 để thanh toán cho các chi phí đầu tư dự án cửa hàng kinh doanh và văn phòng với lãi suất thả nổi được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng tại từng thời kỳ, thời hạn vay 90 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai tại 277B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh. Công ty có khả năng trả khoản nợ vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	7,000,000,000	7.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	31,250,000,000	33.000.000.000
Cộng	38,250,000,000	40.000.000.000

Chi tiết phát sinh khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 10 như sau:

	Quý 1/2016
Số đầu năm	33,000,000,000
Số tiền vay phát sinh	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(1,750,000,000)
Số cuối kỳ	31,250,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3,276,558,099	4,590,197,084	(1,956,053,285)	-	5,910,701,898
Quỹ phúc lợi	1,595,710,686	1,967,227,321	(947,102,400)	3,500,000	2,619,335,607
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(518,375,873)	1,639,356,101	(514,360,010)	-	606,620,218
Cộng	4,353,892,912	8,196,780,506	(3,417,515,695)	3,500,000	9,136,657,723

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

20b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(344.954)	(344.954)
- Cổ phiếu phổ thông	(344.954)	(344.954)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.655.046	7.655.046
- Cổ phiếu phổ thông	7.655.046	7.655.046
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 26 tháng 03 năm 2016 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	7.655.046.000 VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	19.125.821.183 VND
• Trích quỹ tham gia công tác xã hội	351.100.005 VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.557.424.405 VND
• Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	1.639.356.101 VND
Cộng	35.328.747.694 VND

21. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1,902,797,448	1.646.400.112
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	602,027,229	803.155.192
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(803,155,192)	(653.845.215)
Tăng (giảm) khác	-	107.087.359
Số cuối năm	<u>1,701,669,485</u>	<u>1.902.797.448</u>

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ các loại***

Tại ngày kết thúc năm, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 948,47 USD (số đầu năm là 946,96 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	646,575,961,636	371,405,302,751
Doanh thu bán thành phẩm	192,974,853,650	90,058,287,542
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8,562,381,407	8,434,943,058
Cộng	<u>848,113,196,693</u>	<u>469,898,533,351</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

1c. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Chiết khấu thương mại	361,487,461	54,657,605
Hàng bán bị trả lại	1,658,837,789	975,990,915
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	<u>2,020,325,250</u>	<u>1,030,648,520</u>

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	644,555,636,386	370,374,654,231
Doanh thu bán thành phẩm	192,974,853,650	90,058,287,542
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8,562,381,407	8,434,943,058
Cộng	<u>846,092,871,443</u>	<u>468,867,884,831</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	601,494,981,873	334,249,160,260
Giá vốn của thành phẩm đã bán	184,699,024,098	85,960,154,217
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	2,411,950,536	2,970,472,539
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	<u>(725,888,706)</u>	<u>973,702,264</u>
Cộng	<u>787,880,067,801</u>	<u>424,153,489,280</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	89,856,862	68,196,982
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27,554,119	19,238,830
Thu từ hoạt động góp vốn	9,545,208,333	1,409,573,850
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	383,563,250	16,507,133
Lãi chậm thanh toán	5,417,706	-
Cộng	<u>10,051,600,270</u>	<u>1,513,516,795</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Chi phí lãi vay	9,770,288,192	10,145,437,551
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5,278,041	20,837,928
Chi phí tài chính khác	-	3,400,000
Cộng	<u>9,775,566,233</u>	<u>10,169,675,479</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Chi phí cho nhân viên	1,940,224,435	1,659,513,300
Chi phí vật liệu, bao bì	239,981,336	515,287,831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	354,710,235	591,012,018
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,597,584,370	4,278,903,830
- Chi phí điện	750,912,943	1,076,852,859
- Chi phí nhận hàng tự doanh	2,495,570,824	2,341,418,464
- Chi phí thuê kho, bảo trì	623,640,759	679,513,462
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	727,459,844	181,062,615
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	-	56,430
Các chi phí khác	<u>1,093,105,571</u>	<u>1,376,913,532</u>
Cộng	<u>8,225,605,947</u>	<u>8,421,630,511</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Chi phí cho nhân viên	13,306,626,878	7,060,904,187
Chi phí vật liệu, bao bì	154,531,907	139,553,696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358,730,554	342,568,467
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	<u>(1,633,831,749)</u>	<u>(13,980,000)</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	312,478,535	268,726,418
Các chi phí khác	<u>1,382,866,179</u>	<u>992,840,502</u>
Cộng	<u>13,881,402,304</u>	<u>8,790,613,270</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	309.090.909	-
Chênh lệch thanh toán	200,378	261,807
Tiền bồi thường	1,421,527,869	-
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	222,739,364	328,062,140
Thu nhập khác	54.573.061	68
Cộng	<u>2,008,131,581</u>	<u>328,324,015</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-
Chênh lệch thanh toán	833,899	14,498,936
Phạt hành chính	2,896,511	10,000,000
Chi phí khác	(9,073,264)	-
Cộng	<u>(5,342,854)</u>	<u>24,498,936</u>

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30,080,549,451	14,341,494,541
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4,512,082,418	2,151,224,181
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	25,568,467,033	12,190,270,360
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7,655,046	7,999,736
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	<u>3,340</u>	<u>1,524</u>

10b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.793 VND xuống còn 1.524 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Chi phí nhân công	15,246,851,313	8,720,417,487
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	181,906,420,243	144,151,393,531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,439,787,048	3,373,199,939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,097,180,003	4,567,144,748
Chi phí khác	1,527,744,278	2,336,259,534
Cộng	<u>209,217,982,885</u>	<u>163,148,415,239</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	32,967,774,403	33.877.068.456
Trên 01 năm đến 05 năm	121,194,284,656	113.757.577.809
Trên 05 năm	220,322,727,273	259.519.090.909
Cộng	<u>374,484,786,333</u>	<u>407.153.737.174</u>

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng) của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Quý 1/2016</u>	<u>Quý 1/2015</u>
Tiền lương, thưởng	2.052.000.000	2.865.000.000
Phụ cấp	114.059.400	346.731.600
Cộng	<u>2.166.059.400</u>	<u>3.211.731.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Tập đoàn không có phát sinh với các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ của Tập đoàn.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Thương mại, dịch vụ: mua bán sắt thép, dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh bất động sản: cho thuê văn phòng, mặt bằng.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giải trình sự chênh lệch Kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Quý 1 năm 2016 so với Quý 1 năm 2015 như sau:

+ Doanh thu thuần Quý 1/2016 đạt 846,092 tỷ đồng, tăng 80,45% so với Quý 1/2015 do giá thép tăng nên doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ tăng 74,02% và doanh thu bán thành phẩm tăng 114,28%

+ Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2016 đạt 30,682 tỷ đồng, tăng 107,94% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do tăng doanh thu hoạt động tài chính và thu hồi nợ khó đòi. Trong kỳ công ty có nhận được phần lãi từ việc góp vốn với công ty Hưng Thịnh nên doanh thu hoạt động tài chính tăng 564,31% so với Quý 1/2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Hà Hạnh Hoa
Kế toán trưởng



Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	80,000,000,000	55,186,113,637	(2,821,300)	75,766,626,977	65,897,778,196	1,646,400,112	278,494,097,622
Lợi nhuận trong kỳ trước					14,341,494,541		14,341,494,541
Trích lập các quỹ trong kỳ trước				3,827,195,726	(9,567,989,315)		(5,740,793,589)
Chia cổ tức trong kỳ trước					(7,999,736,000)		(7,999,736,000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ này						318,848,836	318,848,836
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ trước					(299,978,000)		(299,978,000)
Số dư cuối kỳ trước	80,000,000,000	55,186,113,637	(2,821,300)	79,593,822,703	62,371,569,422	1,965,248,948	279,113,595,410
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	55,186,113,637	(11,978,525,300)	80,022,172,140	93,007,995,326	1,902,797,448	298,140,553,251
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	30,080,549,451		30,080,549,451
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	19,125,821,183	(27,322,601,689)		(8,196,780,506)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(7,655,046,000)		(7,655,046,000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong kỳ này						(201,127,963)	(201,127,963)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ này	-	-	-	-	(351,100,005)		(351,100,005)
Số dư cuối kỳ này	80,000,000,000	55,186,113,637	(11,978,525,300)	99,147,993,323	87,759,797,083	1,701,669,485	311,817,048,228



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hanh Hoa
Kê toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016

Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM
 Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	460,299,850,865	8,562,381,407	-	846,092,871,443
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	460,299,850,865	8,562,381,407	-	846,092,871,443
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31,882,915,519	4,222,879,872	-	36,105,795,391
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				36,105,795,391
Doanh thu hoạt động tài chính				10,051,600,270
Chi phí tài chính				(9,775,566,233)
Thu nhập khác				2,008,131,581
Chi phí khác				5,342,854
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(7,676,274,842)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(36,452,340)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				30,682,576,681
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2,924,690,182	-	-	2,924,690,182
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	550,168,450	1,967,628,879	-	2,517,797,329
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	348,397,504	1,967,628,879	-	2,316,026,383

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngô Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực thương mại, dịch vụ</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	460,299,850,865	8,568,033,966	-	468,867,884,831
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>460,299,850,865</u>	<u>8,568,033,966</u>	<u>-</u>	<u>468,867,884,831</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	23,968,290,925	3,533,860,845	-	27,502,151,770
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				27,502,151,770
Doanh thu hoạt động tài chính				1,513,516,795
Chi phí tài chính				(10,169,675,479)
Thu nhập khác				328,324,015
Chi phí khác				(24,498,936)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4,442,004,672)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				47,470,116
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>14,755,283,609</u>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	<u>(227,912,624)</u>	<u>(3,762,913,200)</u>	<u>-</u>	<u>(3,990,825,824)</u>
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	<u>1,074,005,425</u>	<u>2,336,810,843</u>	<u>-</u>	<u>3,410,816,268</u>
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	<u>186,702,158</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>186,702,158</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Địa chỉ: 111-121 Ngõ Gia Tự, phường 2, quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực thương mại, dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	756,697,890,929	133,982,800,444	-	890,680,691,373
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				186,471,760,080
Tổng tài sản				1,077,152,451,453
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	651,048,617,247	96,396,619,597	-	747,445,236,844
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				17,890,166,381
Tổng nợ phải trả				765,335,403,225
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	812,724,479,125	131,397,088,282	-	944,121,567,407
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				186,188,204,913
Tổng tài sản				1,130,309,772,320
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	723,276,119,287	98,153,074,622	-	821,429,193,909
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				10,740,025,160
Tổng nợ phải trả				832,169,219,069



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Hà Hạnh Hoa
Kê toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2015

Ngô Hữu Hoàn
Tổng Giám đốc